

Số: 09/NQ-HĐND

Sa Đéc, ngày 26 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh chỉ tiêu chi ngân sách
thành phố Sa Đéc năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ TƯ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân thành phố Sa Đéc, về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách
Nhà nước năm 2022 và phân bổ ngân sách cấp thành phố năm 2022 của thành
phố Sa Đéc;*

*Xét Tờ trình số 54/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân thành phố Sa Đéc, về việc thông qua Nghị quyết điều chỉnh chỉ tiêu
chi ngân sách thành phố năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội
Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân
dân thành phố tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh dự toán chi ngân sách thành phố Sa Đéc năm 2022 như sau:

1. Điều chỉnh giảm chi sự nghiệp kinh tế: 3.320 triệu đồng, trong đó:

- Bổ sung kinh phí công trình sửa chữa, nâng cấp phòng họp Ban Thường vụ Thành ủy và phòng họp Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố do Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố làm chủ đầu tư: 3.606 triệu đồng.

- Bổ sung kinh phí lập quy hoạch thực hiện các dự án do Phòng Quản lý đô thị thành phố làm chủ đầu tư: 2.800 triệu đồng.

- Bổ sung kinh phí điều tra hoa kiểng năm 2022 cho Phòng Kinh tế thành phố: 226 triệu đồng.

- Bổ sung kinh phí công trình Kho chứa bao thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng do Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thành phố làm chủ đầu tư: 48 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm 10.000 triệu đồng sự nghiệp kinh tế chưa phân bổ.

2. Điều chỉnh tăng chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể của cấp thành phố: 338 triệu đồng. Cụ thể:

- Bổ sung kinh phí cho Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố để thực hiện công trình: Cải tạo, sửa chữa phòng họp Làng hoa số tiền: 795 triệu đồng.

- Bổ sung kinh phí cho Phòng Nội vụ thành phố để xây dựng phần mềm chấm điểm công tác dân vận chính quyền, số tiền: 46 triệu đồng.

- Bổ sung kinh phí cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố số tiền: 209 triệu đồng.

- Bổ sung kinh phí cho Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Sa Đéc 70 triệu đồng.

- Bổ sung kinh phí tiền lương và hoạt động 02 biên chế theo Quyết định của Tỉnh ủy cho Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố: 178 triệu đồng.

- Bổ sung kinh phí cho Đội Quản lý trật tự đô thị thành phố do chênh lệch kinh phí khi đơn vị thực hiện tự chủ theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP so với Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ số tiền: 142 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm kinh phí tiền lương và hoạt động 01 biên chế theo Quyết định của Tỉnh ủy cho Hội Nông dân thành phố: 102 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm kinh phí mua sắm tài sản: 1.000 triệu đồng.

3. Điều chỉnh số tiền của một số nội dung chi sự nghiệp giáo dục nhưng tổng chi không đổi với dự toán đầu năm 2022 là 175.861 triệu đồng. Cụ thể như sau:

- Kinh phí sự nghiệp liên quan đến hoạt động của ngành: 21.091 triệu đồng.

- Kinh phí phân bổ cho sự nghiệp giáo dục của các trường trên địa bàn thành phố: 154.770 triệu đồng.

4. Điều chỉnh tăng chi sự nghiệp văn hóa để bổ sung kinh phí tổ chức các lễ hội năm 2022 do Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố thực hiện với tổng số tiền 1.500 triệu đồng.

5. Điều chỉnh tăng chi sự nghiệp môi trường: 478 triệu đồng để bổ sung kinh phí vệ sinh môi trường năm 2022 do Ban Quản lý công trình đô thị thành phố làm chủ đầu tư.

6. Điều chỉnh tăng chi quốc phòng 424 triệu đồng do bổ sung kinh phí đảm bảo quân trang cho huấn luyện lực lượng dự bị động viên cho Ban Chỉ huy Quân sự thành phố.

7. Điều chỉnh tăng chi an ninh 334 triệu đồng do bổ sung kinh phí thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyên đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 cho Công an thành phố.

8. Điều chỉnh tăng chi khác ngân sách cấp thành phố số tiền 534 triệu đồng để bổ sung nhiệm vụ chi cho các đơn vị.

9. Điều chỉnh giảm chi bổ sung cho ngân sách xã, phường 288 triệu đồng.
Cụ thể:

- Giảm dự toán chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể của các xã, phường: 1.870 triệu đồng.

- Bổ sung kinh phí thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030 của Ủy ban nhân dân các xã, phường số tiền: 403 triệu đồng.

- Giảm dự toán kinh phí công trình sửa chữa nhà ăn và văn phòng Hội Người cao tuổi của Ủy ban nhân dân Phường 4 do đơn vị không thực hiện trong năm 2022: số tiền 536 triệu đồng.

- Bổ sung kinh phí hỗ trợ di dời mồ mã để giải phóng mặt bằng công trình: Nhà đại đoàn kết (*hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật*) cho Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Đông: 117 triệu đồng.

- Bổ sung kinh phí công trình sửa chữa, nâng cấp đường vào chợ Ông Quê cho Ủy ban nhân dân xã Tân Khánh Đông: 933 triệu đồng.

- Bổ sung kinh phí công trình: Cải tạo, nâng cấp hẻm số 04, khu 50 căn thuộc khóm Tân Bình, phường An Hòa (*hạng mục: Nền, mặt đường và cống thoát nước*) cho Ủy ban nhân dân phường An Hòa: 665 triệu đồng.

(Chi tiết số liệu theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai điều chỉnh dự toán chi năm 2022 theo đúng nội dung đã được Hội đồng dân nhân thành phố thông qua và báo cáo kết quả thực hiện tại Kỳ họp thứ năm Hội đồng nhân dân thành phố khóa XII trong năm 2022.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Sa Đéc khóa XII, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 26 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực Thành ủy;
- UBND, UB MTTQ VN thành phố;
- Các ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT. HĐND, UBND xã, phường;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Phạm Văn Chuẩn



PHỤ LỤC SỐ 01
CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ VÀ
NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số: 09/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2022 của HĐND thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao đầu năm 2022	Dự toán đề nghị điều chỉnh	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
A	NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ			
I	Nguồn thu ngân sách	665.683	665.683	-
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	384.744	384.744	-
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	280.939	280.939	-
-	Thu bổ sung cân đối	276.439	276.439	-
-	Thu bổ sung có mục tiêu	4.500	4.500	-
3	Thu kết dư	-	-	-
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	-	-
II	Chi ngân sách	665.683	665.683	-
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp thành phố	571.619	571.907	288
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã, phường	94.064	93.776	(288)
-	Chi bổ sung cân đối	81.259	79.792	(1.467)
-	Chi bổ sung có mục tiêu	12.805	13.984	1.179
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau			-
B	NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG			-
I	Nguồn thu ngân sách	103.390	103.102	(288)
1	Thu ngân sách xã, phường được hưởng theo phân cấp	9.326	9.326	-
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp thành phố	94.064	93.776	(288)
-	Thu bổ sung cân đối	81.259	79.792	(1.467)
-	Thu bổ sung có mục tiêu	12.805	13.984	1.179
3	Thu kết dư	-	-	-
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	-	-
II	Chi ngân sách	103.390	103.102	(288)

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm 2022				Dự toán điều chỉnh				Chênh lệch							
		Ngân sách thành phố		Ngân sách xã, phường		Ngân sách thành phố		Ngân sách xã, phường		Ngân sách thành phố	Chia ra						
											Ngân sách cấp thành phố	Ngân sách xã, phường	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường			
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	221.569	221.569			221.569	221.569										
-	Chi đầu tư từ nguồn vốn tập trung	71.569	71.569			71.569	71.569										
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	150.000	150.000			150.000	150.000										
2	Chi đầu tư phát triển khác	-	-			-	-										
II	Chi thường xuyên	440.968	338.579	102.389		440.968	338.867	102.101							288	-	288
	Trong đó:																
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	180.023	177.413	2.610		180.023	177.413	2.610									
2	Chi khoa học và công nghệ	-	-	-		-	-	-									
3	Chi y tế, dân số và gia đình	-	-	-		-	-	-									
4	Chi văn hóa thông tin-thể thao	7.028	6.103	925		8.528	7.603	925						1.500			
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	824	84	740		824	84	740									
7	Chi bảo vệ môi trường	10.128	9.640	488		10.606	10.118	488						478			
8	Chi các hoạt động kinh tế	113.800	93.595	20.205		111.659	90.275	21.384						2.141			1.179
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	68.038	31.396	36.642		66.506	31.734	34.772						1.532			1.870
10	Chi bảo đảm xã hội	36.150	3.503	32.647		36.150	3.503	32.647									
11	An ninh	5.099	1.830	3.269		5.836	2.164	3.672						737			403
12	Quốc phòng	8.759	5.075	3.684		9.183	5.499	3.684						424			
13	Chi khác	11.119	9.940	1.179		11.653	10.474	1.179						534			
14	Chi nộp ngân sách cấp trên	-	-	-		-	-	-						-			
III	Chi dự phòng ngân sách	12.472	11.471	1.001		12.472	11.471	1.001									
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên	-	-	-		-	-	-						-			
V	Chi tạo nguồn CCTL	-	-	-		-	-	-						-			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	-	-	-		-	-	-						-			
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-		-	-	-						-			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-		-	-	-						-			
C	CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NĂM SAU	-	-	-		-	-	-						-			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÈC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 03

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số: 09/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2022 của HĐND thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán giao đầu năm 2022						Dự toán điều chỉnh						Chênh lệch
		TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN CCTL	CHI BÓ SUNG NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN CCTL	CHI BÓ SUNG NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
A	B	1=2+3+4+5+6	2	3	4	5	6	8=9+10+11+12+13+14	9	10	11	13	14	15=8-1
	TỔNG SỐ	665.683	221.569	338.579	11.471	-	94.064	665.683	221.569	338.867	11.471	-	93.776	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	560.148	221.569	338.579	-	-	-	560.436	221.569	338.867	-	-	-	288
1	Văn phòng HĐND và UBND	8.272		8.272				9.067		9.067				795
2	Phòng Tư pháp	773		773				773		773				-
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.785		1.785				1.785		1.785				-
4	Phòng Lao động-TB&XH	4.878		4.878				6.586	1.708	4.878				1.708
5	Phòng Nội vụ	3.303		3.303				3.349		3.349				46
6	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2.350		2.350				2.350		2.350				-
7	Phòng Kinh tế	2.950		2.950				3.176		3.176				226
8	Phòng Quản lý đô thị	24.876		24.876				27.676		27.676				2.800
9	Thanh tra	1.164		1.164				1.164		1.164				-
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	5.241		5.241				6.741		6.741				1.500
11	Phòng Giáo dục và sự nghiệp giáo dục của các trường	177.131		177.131				177.131		177.131				-
12	Phòng Y tế	467		467				467		467				-
13	Hội chữ thập đỏ	708		708				708		708				-
14	Mặt trận Tổ quốc, các hội đặc thù và Liên đoàn lao động	1.417		1.417				1.626		1.626				209
15	Hội người cao tuổi	148		148				148		148				-
16	Hội Khuyến học và Khoa học lịch sử	271		271				271		271				-
17	Hội Cựu chiến binh	479		479				479		479				-
18	Thành Đoàn	1.171		1.171				1.241		1.241				70
19	Hội Liên hiệp Phụ nữ	862		862				1.040		1.040				178

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán giao đầu năm 2022						Dự toán điều chỉnh						Chênh lệch	
		TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN CCTL	CHI BÓ SUNG NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN CCTL	CHI BÓ SUNG NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG		
20	Nông dân	945		945			843		843					-	102
21	Trung tâm chính trị TPSPD	1.552		1.552			1.552		1.552					-	-
22	Trung tâm tin học	414		414			414		414					-	-
23	Đội Quản lý trật tự đô thị	697		697			839		839					142	142
24	Trung tâm Văn hóa-Thể thao và Truyền thanh	2.028		2.028			2.028		2.028					-	-
25	Ban Quản lý công trình đô thị	60.262		60.262			60.740	-	60.740					478	478
26	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	2.090		2.090			2.138		2.138					48	48
27	Kinh phí bù miễn thu thủy lợi phí, hỗ trợ thực hiện Nghị định 35/2015/NĐ-CP	4.500		4.500			4.500		4.500					-	-
28	Ban Chỉ huy quân sự	5.075		5.075			5.499		5.499					424	424
29	Công an	1.830		1.830			2.164		2.164					334	334
30	Chi ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và hộ chính sách khác trên địa bàn	1.500		1.500			1.500		1.500					-	-
31	Chi quỹ hỗ trợ Nông dân thành phố	500		500			500		500					-	-
32	Chi khác ngân sách	7.940		7.940			8.474		8.474					534	534
33	Kinh phí mua sắm tài sản	1.000		1.000			-		-					- 1.000	- 1.000
34	Sự nghiệp kinh tế chưa phân bổ	10.000		10.000			-		-					- 10.000	- 10.000
35	Ban Quản lý dự án & PTQĐ	191.273	191.273				221.967	218.361	3.606					30.694	30.694
36	Tất toán công trình đầu tư	1.500	1.500				1.500	1.500	-					-	-
37	Nguồn dự phòng đầu tư	28.796	28.796				-		-					- 28.796	- 28.796
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	11.471					11.471			11.471				-	-
III	CHI BÓ SUNG CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	94.064					94.064							93.776	288
I	Chi bổ sung cân đối	81.259					81.259							79.792	1.467
2	Bổ sung có mục tiêu	12.805					12.805							13.984	1.179



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 04
DỰ TOÁN THU, SỐ BỎ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TÙNG XÃ, PHƯỜNG NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số: 09/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2022 của HĐND thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán giao đầu năm 2022										Dự toán đề nghị điều chỉnh									
		Tổng thu NSNN trên địa bàn		Thu ngân sách xã, phường được hưởng theo phân cấp			Số thu bỏ sung từ ngân sách cấp thành phố			Chi bỏ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương		Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		Tổng chi cân đối ngân sách xã, phường		Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Chi bỏ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Tổng chi cân đối ngân sách xã, phường			
		1	2	Thu ngân sách xã, phường được hưởng theo phân cấp		5	Trong đó		6	7	8	9	Thu ngân sách xã, phường được hưởng theo phân cấp		13				Trong đó		
Tổng số	Thu ngân sách cấp 100%			Thu ngân sách cấp từ các khoản thu phân chia	Tổng cộng		Bỏ sung cân đối	Bỏ sung có mục tiêu					Tổng cộng	Bỏ sung cân đối					Bỏ sung có mục tiêu		
A	B	1	2	3	4	5	5a	5b	6	7	8	9	10	11	12	13	13a	13b	14	15	16
	TỔNG SỐ	103.390	9.326	1.670	7.656	94.064	81.259	12.805	-	-	103.390	103.102	9.326	1.670	7.656	93.776	79.792	13.984	-	-	103.102
1	Phường 1	13.791	2.370	320	2.050	11.421	10.421	1.000	-	-	13.791	13.646	2.370	320	2.050	11.276	10.276	1.000	-	-	13.646
2	Phường 2	14.363	2.145	270	1.875	12.218	10.035	2.183	-	-	14.363	14.218	2.145	270	1.875	12.073	9.890	2.183	-	-	14.218
3	Phường 3	9.193	216	100	8.977	8.567	410	-	-	-	9.193	9.048	216	100	116	8.832	8.422	410	-	-	9.048
4	Phường 4	7.816	130	80	50	7.686	6.259	1.427	-	-	7.816	7.111	130	80	50	6.981	6.090	891	-	-	7.111
5	Xã Tân Khánh Đông	15.706	680	290	390	15.026	13.056	1.970	-	-	15.706	16.437	680	290	390	15.757	12.854	2.903	-	-	16.437
6	Xã Tân Phú Đông	14.764	1.110	310	800	13.654	11.249	2.405	-	-	14.764	14.676	1.110	310	800	13.566	11.044	2.522	-	-	14.676
7	Phường Tân Quý Đông	8.839	455	105	350	8.384	7.984	400	-	-	8.839	8.690	455	105	350	8.235	7.835	400	-	-	8.690
8	Xã Tân Quý Tây	9.288	485	75	410	8.803	6.393	2.410	-	-	9.288	9.119	485	75	410	8.634	6.224	2.410	-	-	9.119
9	Phường An Hòa	9.630	1.735	120	1.615	7.895	7.295	600	-	-	9.630	10.157	1.735	120	1.615	8.422	7.157	1.265	-	-	10.157



PHỤ LỤC SỐ 05

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số: 09/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2022 của HĐND thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán giao đầu năm 2022				Dự toán đề nghị điều chỉnh				Chênh lệch
		Tổng số	Bổ sung vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư XD/CB	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	Tổng số	Bổ sung vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư XD/CB	Bổ sung sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=5-1
	TỔNG SỐ	12.805	12.805	-	-	13.984	13.984	-	-	1.179
1	Phường 1	1.000	1.000			1.000	1.000			-
2	Phường 2	2.183	2.183			2.183	2.183			-
3	Phường 3	410	410			410	410			-
4	Phường 4	1.427	1.427			891	891			- 536
5	Xã Tân Khánh Đông	1.970	1.970			2.903	2.903			933
6	Xã Tân Phú Đông	2.405	2.405			2.522	2.522			117
7	Phường Tân Quy Đông	400	400			400	400			-
8	Xã Tân Quy Tây	2.410	2.410			2.410	2.410			-
9	Phường An Hòa	600	600			1.265	1.265			665



PHỤ LỤC SỐ 06
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CHI VỐN SỰ NGHIỆP CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số: 09/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2022 của HĐND thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Dự toán năm 2022
	<u>Tổng số</u>		13.984
I	Phường 1		1.000
1	Kè chống sạt lở đường Đinh Công Tráng, khóm 3	2022	1.000
II	Phường 2		2.183
1	Hẻm phía sau Chùa Ông, Khóm 2, Phường 2	2022	411
2	Hẻm 30 đường Đinh Hữu Thuật, Khóm 2, Phường 2	2022	514
3	Đường cấp Rạch Ngã Bát (giai đoạn 2) Khóm 2, phường 2	2022	1.258
III	Phường 3		410
1	Cải tạo, nâng cấp Hẻm 72, Vườn Hồng, khóm 3 (Đường tắt Cao Đài Bến Tre); hạng mục: Thảm nhựa nguội mặt đường (5cm)	2022	410
IV	Phường 4		891
1	Mở rộng Trụ sở Văn phòng Ban nhân dân Khóm 1; hạng mục: Xây dựng mới.	2022	377
2	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Văn phòng UBND Phường 4 cũ (Di tích nhà Tiến sĩ Nguyễn Thành Giung); hạng mục: Thay mới mái ngói của Trụ sở Văn phòng UBND Phường 4 cũ	2022	514
V	Phường An Hòa		1.265
1	Gia cố sạt lở các tuyến đường GTNT phường An Hòa	2022	600
2	Công trình: Cải tạo nâng cấp Hẻm số 04 khu 50 căn; hạng mục: Nền, mặt đường và cống thoát nước, thuộc khóm Tân Bình, phường An Hòa	2022	665
VI	Phường Tân Quy Đông		400
1	Gia cố sạt lở và sửa chữa mặt đường Đoàn Thị Điểm	2022	400
VII	Xã Tân Quy Tây		2.410
1	Duy tu sửa chữa đường Tân Lập. Hạng mục: Sửa chữa nền và mặt đường	2022	1.700
2	Trường Mầm Non Năng Hồng. Hạng mục: Thảm BTN mặt đường, vỉa hè, cống thoát nước và sân đan	2022	710
VIII	Xã Tân Phú Đông		2.522
1	Nhà Đại đoàn kết; hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật	2022	652
2	Nhà Đại đoàn kết tại ấp Phú Hòa, xã Tân Phú Đông (khu đất trường tiểu học Tân Phú Đông-cầu Bà Ban), hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật	2022	670
3	Đường tắt Thủ Điểm	2022	1.200
IX	Xã Tân Khánh Đông		2.903
1	Gia cố sạt lở đường vào cầu Cái Bè 2	2022	500
2	Gia cố sạt lở bên chợ Ông Quế	2022	500
3	Đường vào chợ ông Quế	2022	1.903